TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **52**/2023/DS-ST

Ngày: 15 - 5 - 2023

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản (vật tư xây dựng)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Hiếu.

Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thanh Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Quách Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản (vật tư xây dựng), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm số: 106/2023/QĐST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông S. Địa chỉ: Ấp A1, xã B1, huyện C1, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt, có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà T. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/02/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông S trình bày:* Từ ngày 20/5/2018 đến thời điểm nào không nhớ, bà T có nhiều lần mua vật tư xây dựng (bao gồm cát, đá, xi măng, gạch ống, sắt…) của ông S với tổng số tiền là 83.810.000 đồng. Tính đến ngày 11/6/2021, bà T đã trả cho ông S được 16 lần với tổng số tiền là 65.810.000 đồng, còn nợ lại 18.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Quá trình mua bán ông S có lập sổ theo dõi gồm nhiều tờ giấy. Khi mua và ký nhận, bà T có ghi vào các giấy này các chữ "đã nhận đủ X", X ở đây là tên chồng bà T, nhưng thực tế bà T là người mua vật tư xây dựng của ông S, trong vụ án này ông S không có yêu cầu gì đối với ông X. Đối với việc bà T ghi vào sổ của ông S mục đích là để xác nhận đã có nhận đồ của ông S giao, các số tiền trong các giấy này là số tiền mua hàng còn nợ nhưng sau đó đã trả dần, còn nợ lại 18.000.000 đồng nhưng không phân chia cụ thể số tiền 18.000.000 đồng này là nợ của giấy nào trong số các giấy này.

Việc bà T mua vật tư xây dựng của ông S thì có nhiều người làm thuê chở hàng cho ông S biết, những người này biết bà T có mua và nợ tiền vật tư xây dựng của ông S nhưng nợ bao nhiêu thì những người này không biết.

Ông S có đến nhà để đòi tiền thì bà T chửi bới và thách thức ông S đi thưa kiện. Ông S có gửi đơn yêu cầu hòa giải đến Ban hòa giải ấp A, xã B để giải quyết sự việc thì bà T vắng mặt không lý do.

Nay ông S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả cho ông S số tiền mua vật tư xây dựng còn nợ là 18.000.000 đồng (không yêu cầu tính lãi).

Do ông S bận nhiều công việc không có thời gian đến tham dự phiên tòa, nên ông S xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm cũng như trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Mọi vấn đề có liên quan ông S vẫn giữ nguyên theo lời trình bày có trong hồ sơ. Ông S cam kết không khiếu nại gì về sau.

** Bị đơn bà T:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T nhưng bà T không có mặt tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông S vắng mặt nhưng trong văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt thì ông S vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo nội dung yêu cầu khởi kiện, ông S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả cho ông S số tiền mua vật tư xây dựng còn nợ là 18.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi; TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản (vật tư xây dựng) là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà T là bị đơn, có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, ông S vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và không thuộc trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, ông S cho rằng ông S có bán vật tư xây dựng (bao gồm cát, đá, xi măng, gạch ống, sắt…) cho bà T nhiều lần với tổng số tiền là 83.810.000 đồng, bà T đã trả được 65.810.000 đồng và còn nợ lại 18.000.000 đồng đến nay chưa trả. Ông S có cung cấp cho Tòa án 06 tờ giấy được photo từ cuốn sổ có ghi các loại vật tư xây dựng mà ông S đã bán cùng với giá bán của từng loại và các khoản tiền được cộng lại ở phía dưới cùng là 35.985.000 đồng + 7.380.000 đồng + 4.140.000 đồng + 19.830.000 đồng + 9.730.000 đồng + 6.745.000 đồng = 83.810.000 đồng (BL từ 25 đến 30) để chứng minh, nhưng cuốn sổ này do ông S tự lập để theo dõi mà không có sự xác nhận, đối chiếu, tất toán nợ của bà T thể hiện việc bà T có mua vật tư xây dựng của ông S với tổng số tiền là 83.810.000 đồng, đã trả được 65.810.000 đồng và còn nợ lại 18.000.000 đồng như ông S đã trình bày; đồng thời, nội dung 06 tờ giấy này với các chữ viết "có nhận đủ X", "đã nhận đủ X" không chứng minh được việc bà T còn nợ lại ông S 18.000.000 đồng; hiện nay, ông S cũng không cung cấp được chứng cứ gì khác để chứng minh cho lời trình bày của mình.

[5] Khoản 1 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về nghĩa vụ chứng minh quy định: "*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp…*", "*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*". Xét thấy, ông S khởi kiện nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp, nên yêu cầu khởi kiện của ông S không có cơ sở để chấp nhận.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S về việc yêu cầu bà T trả số tiền mua vật tư xây dựng còn nợ là 18.000.000 đồng.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông S không được chấp nhận nên ông S phải chịu án phí sơ thẩm, nhưng do ông S là người cao tuổi (sinh năm 1956, đã trên 60 tuổi) và có đơn xin miễn nộp án phí nên ông S được miễn nộp toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 1, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 1, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S về việc yêu cầu bà T trả số tiền mua vật tư xây dựng còn nợ là 18.000.000 đồng.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông S được miễn nộp toàn bộ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự (02);
- VKSND huyện Kế Sách (01);
- Chi cục THADS huyện Kế Sách (01);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt